

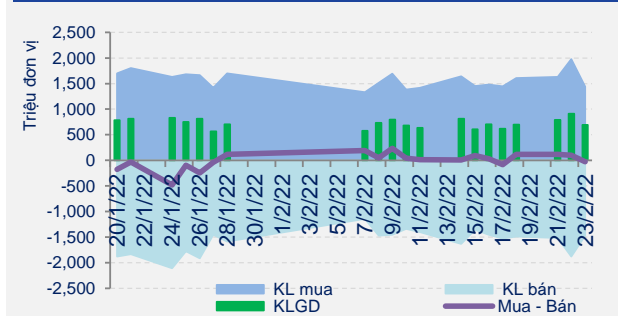
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/2/2022

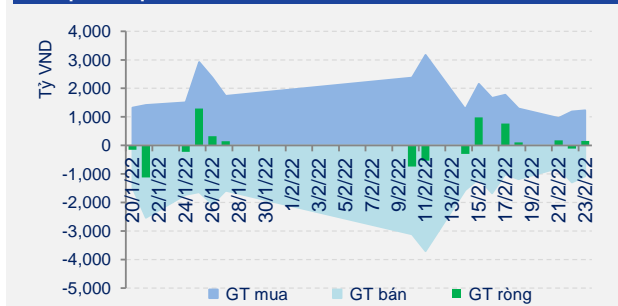
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,512.30	442.54
% Thay đổi	↑ 0.59%	↑ 1.87%
KLGD (CP)	694,654,250	113,250,831
GTGD (tỷ đồng)	22,394.10	3,307.32
Tổng cung (CP)	1,467,494,300	154,348,600
Tổng cầu (CP)	1,438,222,600	145,064,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	28,326,850	1,390,128
KL mua (CP)	29,987,750	563,400
GT mua (tỷ đồng)	1,235.28	19.82
GT bán (tỷ đồng)	1,081.13	47.73
GT ròng (tỷ đồng)	154.16	(27.91)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.23%	21.1	3.5	0.9%
Công nghiệp	↑ 1.55%	22.7	3.2	14.7%
Dầu khí	↑ 2.59%	19.4	2.2	8.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.30%	-	11.1	3.8%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.86%	16.7	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.37%	18.7	3.8	8.9%
Ngân hàng	↑ 0.15%	12.7	2.4	17.8%
Nguyên vật liệu	↑ 1.13%	9.8	2.3	13.6%
Tài chính	↑ 0.83%	24.1	3.4	28.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.59%	18.8	2.9	3.0%
VN - Index	↑ 0.59%	17.5	3.2	
HNX - Index	↑ 1.87%	22.9	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ "đỏ lửa" trong phiên đêm qua nhưng trong phiên ngày hôm nay, chứng khoán Việt Nam lại có sự thể hiện tương đối tốt khi kết phiên trong sắc xanh. Điểm trừ duy nhất là việc thanh khoản khớp lệnh lại suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên một chút. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 8,83 điểm (+0,59%) lên 1.512,3 điểm. Độ rộng thị trường là tích cực với 326 mã tăng (14 mã tăng trần), 62 mã tham chiếu, 111 mã giảm (0 mã giảm sàn). Tình hình địa chính trị giữa Nga và Ucraina tiếp tục căng thẳng đã khiến cho giá dầu thế giới tiếp tục xu hướng tăng và neo ở mức cao. Điều này giúp cho nhóm cổ phiếu dầu khí hưởng lợi khi dòng tiền ồ ạt đổ vào nhóm này khiến hàng loạt cổ phiếu tăng mạnh PVD (+4,5%), BSR (+4,5%), PLX (+0,8%), OIL (+4,3%), PSH (+3,1%), TDG (+2%)..., thậm chí có mã còn tăng trần PVS (+9,9%), PVC (+9,9%), PVB (+9,7%), PTV (+14,9%). Cổ phiếu ngân hàng vẫn là một lực đẩy quan trọng của thị trường trong phiên hôm nay, có thể kể đến TPB (+2,7%), VPB (+1%), TCB (+0,6%), MSB (+1,1%), CTG (+0,7%), SHB (+0,2%)... Bên cạnh đó, một số bluechip khác cũng tăng, tiêu biểu là VJC (+3,8%), VIC (+0,6%), HPG (+0,6%)... Sau phiên giảm mạnh hôm qua thì nhóm bất động sản xây dựng đã tăng mạnh trở lại trong phiên hôm nay như DIG (+5,2%), DXG (+4,1%), CEO (+5,1%), CII (+4%), LDG (+6,8%), HBC (+2%), FCN (+2,4%), PTC (+6,9%), EVG (+6,8%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Bất chấp việc thị trường chứng khoán Mỹ giảm mạnh trong phiên đêm qua. Tâm lý nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam vẫn tương đối tích cực. Tuy nhiên, có lẽ cũng đang có chút "rón rén" khi mà thị trường đang tiến đến vùng kháng cự tương đối mạnh trong khoảng 1.530-1.550 điểm. Điều này đã được thể hiện qua mức thanh khoản suy giảm trong phiên hôm nay. Vì lẽ đó chúng tôi cho rằng trong phiên giao dịch tiếp theo 23/02, thị trường sẽ khó có khả năng tiếp tục bứt phá mà nghiêng nhiều hơn về khả năng sẽ có những giằng co cũng như rung lắc nhất định tại vùng giá trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Trên thị trường phái sinh mà ở đây là sản phẩm hợp đồng tương lai VN30, các trader cũng đang khá thận trọng tại cả 4 kỳ hạn với mức basis âm từ 9 đến 30 điểm. Do đó chiến lược hợp lý hiện tại vẫn là nắm giữ danh mục đã mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 và có thể canh chốt lời nếu thị trường tiến vào vùng giá 1.530-1.550 điểm trong thời gian tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

23/2/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và mạnh lên sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 1.520,78 điểm. Về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số thu hẹp mức tăng. Kết phiên, VN-Index tăng 8,83 điểm (+0,59%) lên 1.512,3 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VJC tăng 5.400 đồng, DIG tăng 4.600 đồng, VIC tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, EIB giảm 2.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu tốt xuyên suốt từ đầu phiên cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 442,89 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 8,11 điểm (+1,87%) lên 442,54 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: PVS tăng 3.000 đồng, HUT tăng 2.500 đồng, CEO tăng 3.400 đồng. Ở chiều ngược lại, IDJ giảm 300 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 154,16 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,7 triệu cổ phiếu. DXG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 72,9 tỷ đồng tương ứng với 1,8 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VJC với 53,6 tỷ đồng tương ứng với 364 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã bị bán ròng nhiều nhất với 83,3 tỷ đồng tương ứng với 1 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 27,98 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 827 nghìn cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 26,3 tỷ đồng tương ứng với 798 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 5 tỷ đồng tương ứng với 154,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,3 tỷ đồng tương ứng với 45,5 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên một chút. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là lực cầu mua lên vào phiên sáng là tương đối tốt. Nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng đã thu hẹp một phần mức tăng của chỉ số.

Góc nhìn chủ đạo về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott áp dụng trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng nhẹ hôm nay (+0,59%) thì chỉ số VN-Index tiếp tục kết phiên trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Điều này giúp cho xu hướng tăng của thị trường không có gì thay đổi và trong thời gian tới, chỉ số này có thể hướng đến vùng kháng cự tiếp theo trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 1.490 điểm (MA20-50).

Do đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 24/2, VN-Index có thể sẽ giằng co và rung lắc trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Du lịch quyết tâm bứt phá

Quảng Ninh đặt mục tiêu đón ít nhất 9,5 triệu khách du lịch trong năm 2022. Khánh Hòa cũng mạnh dạn đặt mục tiêu năm nay đón hơn 1,2 triệu lượt khách, tăng gấp đôi so với năm 2021.



TIN TRONG NƯỚC

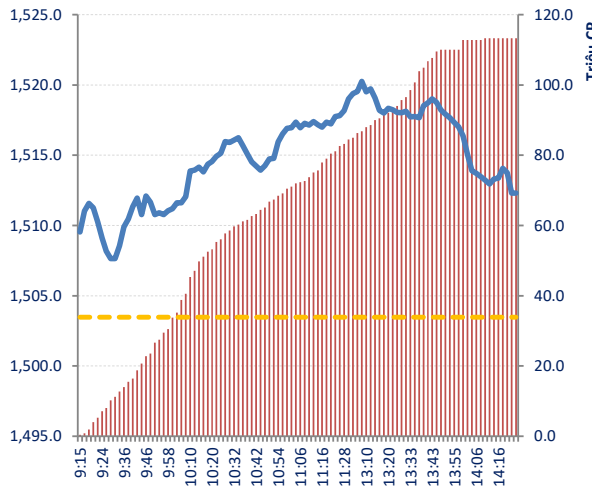
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 62,95 - 63,75 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm không đổi	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 23/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.130 VND/USD, giữ nguyên so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

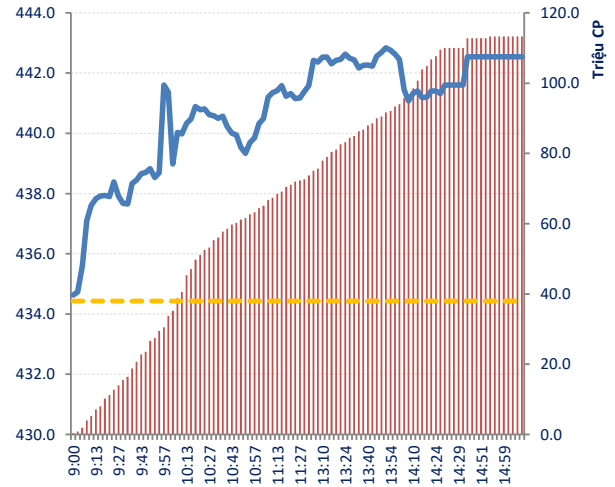
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 10,4 USD/ounce tương ứng với 0,55% xuống 1.897 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,096 điểm tương ứng 0,1% xuống 95,915 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1343 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3614 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 115,04 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,34 USD/thùng tương ứng với 0,37% xuống 91,57 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm mạnh	Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/2, Dow Jones giảm 482,57 điểm tương đương 1,42% xuống 33.596,61 điểm. Nasdaq giảm 166,55 điểm tương đương 1,23% xuống 13.381,52 điểm. Nasdaq Composite giảm 44,11 điểm tương đương 1,01% xuống 4.304,76 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

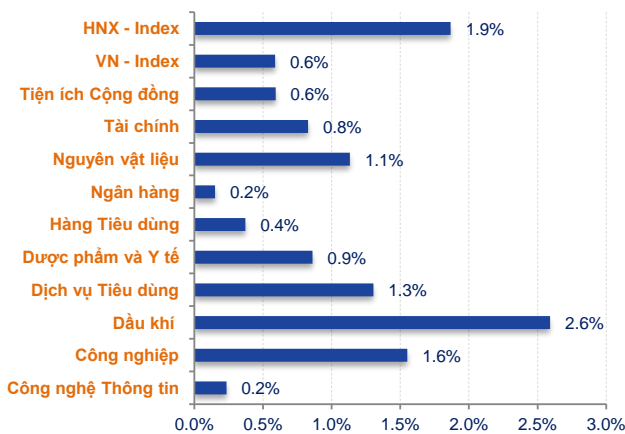
KLGD và VN-Index trong phiên



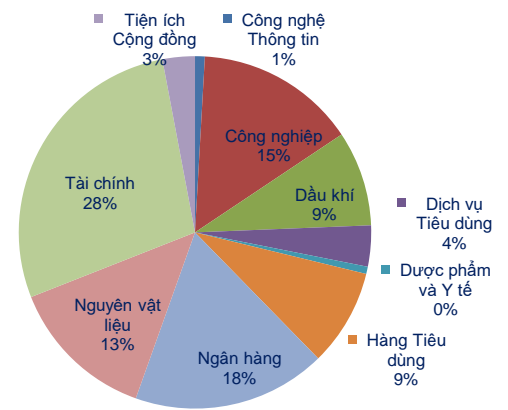
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



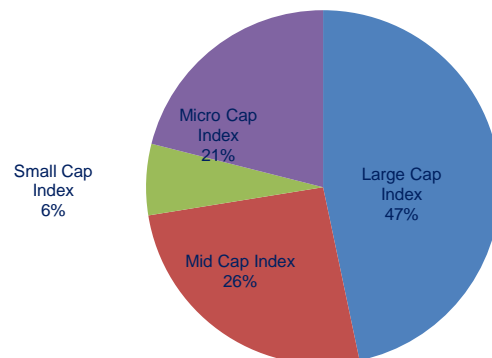
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	1,818,100	VNM	1,041,400
2	DCM	969,000	PLX	780,500
3	CTG	704,200	E1VFN30	756,500
4	GMD	638,600	HAG	645,300
5	VHM	621,400	VGC	500,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SCI	60,300	TNG	797,900
2	PLC	55,000	PVS	154,500
3	IDC	45,500	LAS	104,200
4	VKC	31,200	THD	22,000
5	PSD	28,300	CVN	19,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVD	32.05	33.50	↑ 4.52%	20,563,300
MBB	34.40	34.35	↓ -0.15%	17,435,400
POW	17.80	18.15	↑ 1.97%	16,988,300
MSB	27.00	27.30	↑ 1.11%	16,253,900
TPB	41.50	42.60	↑ 2.65%	16,076,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	30.20	33.20	↑ 9.93%	27,927,863
CEO	66.30	69.70	↑ 5.13%	5,504,330
KLF	6.30	6.30	→ 0.00%	5,211,832
HUT	25.10	27.60	↑ 9.96%	4,905,863
PVC	16.20	17.80	↑ 9.88%	4,355,005

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GSP	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%
DCM	30.10	32.20	2.10	↑ 6.98%
DPM	47.40	50.70	3.30	↑ 6.96%
PET	48.15	51.50	3.35	↑ 6.96%
AGM	42.55	45.50	2.95	↑ 6.93%

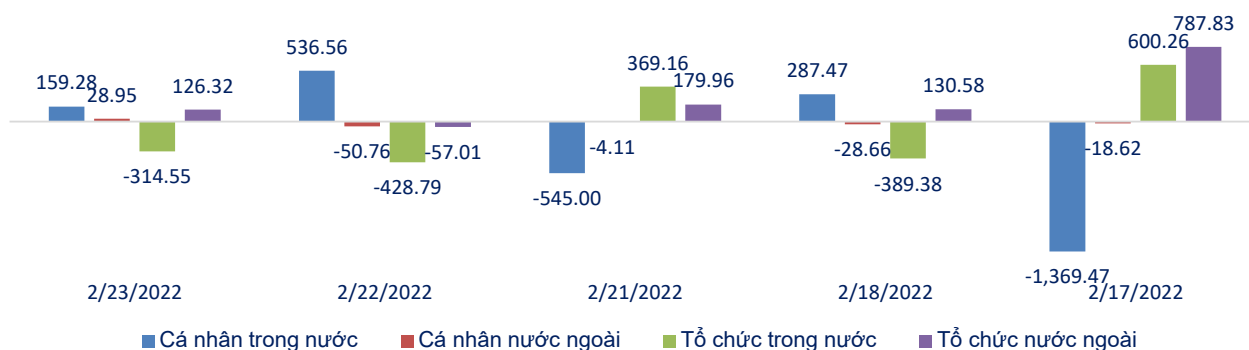
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TPP	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
BTW	32.00	35.20	3.20	↑ 10.00%
PSE	19.00	20.90	1.90	↑ 10.00%
NFC	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%
BPC	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EIB	35.00	33.00	-2.00	↓ -5.71%
CLW	37.00	35.00	-2.00	↓ -5.41%
SVI	70.70	67.00	-3.70	↓ -5.23%
HU3	8.80	8.34	-0.46	↓ -5.23%
TNT	18.00	17.40	-0.60	↓ -3.33%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGD	18.40	16.60	-1.80	↓ -9.78%
L35	7.20	6.60	-0.60	↓ -8.33%
CAN	59.30	55.60	-3.70	↓ -6.24%
DNC	61.50	58.00	-3.50	↓ -5.69%
VC6	13.30	12.60	-0.70	↓ -5.26%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	153.50	20.7%	2,668	10.1	1.9
VNM	117.02	30.3%	5,042	15.9	4.7
APH	88.45	1.1%	224	125.5	1.2
ACB	68.22	23.9%	3,554	9.8	2.1
KBC	44.01	5.8%	1,587	35.8	2.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	-90.47	10.3%	1,942	20.0	1.7
GMD	-64.17	8.9%	2,007	26.0	2.2
DGC	-58.82	45.9%	13,963	11.0	5.1
CTG	-50.57	15.7%	2,932	11.8	1.8
VJC	-46.60	7.5%	2,242	63.7	4.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	5.79	30.3%	5,042	15.9	4.7
PVD	5.26	0.1%	46	702.4	1.0
BVH	5.09	8.8%	2,535	22.2	1.9
DPM	4.97	32.9%	7,964	6.0	1.7
NVL	4.54	8.8%	1,695	46.1	3.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FCN	-3.23	3.9%	843	29.5	1.3
DXG	-3.20	10.3%	1,942	20.0	1.7
VIX	-2.87	20.7%	1,659	16.8	1.5
FUEVFVND	-2.34	N/A	N/A	N/A	N/A
BMP	-1.18	9.0%	2,618	24.5	2.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	47.53	45.9%	13,963	11.0	5.1
FPT	33.18	21.6%	4,782	19.4	3.9
GMD	30.56	8.9%	2,007	26.0	2.2
CTG	25.95	15.7%	2,932	11.8	1.8
GAS	23.86	17.1%	4,531	25.7	4.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-153.50	20.7%	2,668	10.1	1.9
APH	-85.50	1.1%	224	125.5	1.2
ACB	-68.22	23.9%	3,554	9.8	2.1
VHM	-43.86	35.3%	9,036	8.8	2.6
DPM	-34.18	32.9%	7,964	6.0	1.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	76.14	10.3%	1,942	20.0	1.7
VJC	54.28	7.5%	2,242	63.7	4.6
VHM	47.63	35.3%	9,036	8.8	2.6
GMD	33.50	8.9%	2,007	26.0	2.2
DCM	30.36	27.5%	3,623	8.3	2.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-89.07	30.3%	5,042	15.9	4.7
PLX	-50.10	10.8%	2,258	27.5	2.8
MSN	-36.65	25.4%	7,269	21.7	4.4
NVL	-28.73	8.8%	1,695	46.1	3.7
VGC	-27.37	16.0%	2,738	20.1	2.9



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	20,563,300	0.1%	46	702.4	1.0
MBB	17,435,400	3250.0%	3,361	10.2	2.1
POW	16,988,300	5.6%	760	23.4	1.3
MSB	16,253,900	20.7%	2,668	10.1	1.9
TPB	16,076,300	22.6%	3,207	12.9	2.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	27,927,863	4.7%	1,260	24.0	1.2
CEO	5,504,330	2.7%	362	183.2	4.8
KLF	5,211,832	0.4%	40	155.9	0.6
HUT	4,905,863	1.9%	240	104.6	2.3
PVC	4,355,005	0.9%	147	110.2	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GSP	↑ 7.0%	10.0%	1,533	9.3	1.2
DCM	↑ 7.0%	27.5%	3,623	8.3	2.1
DPM	↑ 7.0%	32.9%	7,964	6.0	1.7
PET	↑ 7.0%	14.3%	2,974	16.2	2.3
AGM	↑ 6.9%	9.6%	2,425	17.5	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TPP	↑ 10.0%	2.9%	290	37.9	1.0
BTW	↑ 10.0%	12.1%	2,766	11.6	1.4
PSE	↑ 10.0%	24.4%	3,358	5.7	1.3
NFC	↑ 10.0%	7.4%	861	13.9	1.0
BPC	↑ 10.0%	3.9%	939	12.8	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	1,818,100	10.3%	1,942	20.0	1.7
DCM	969,000	27.5%	3,623	8.3	2.1
CTG	704,200	15.7%	2,932	11.8	1.8
GMD	638,600	8.9%	2,007	26.0	2.2
VHM	621,400	35.3%	9,036	8.8	2.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SCI	60,300	32.5%	5,344	5.9	1.9
PLC	55,000	12.0%	1,940	22.9	2.7
IDC	45,500	9.6%	1,508	47.1	4.5
VKC	31,200	1.0%	125	93.9	1.0
PSD	28,300	36.8%	4,713	8.9	3.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	410,782	21.3%	4,629	18.8	3.7
VHM	345,301	35.3%	9,036	8.8	2.6
VIC	312,743	-1.9%	(717)	-	2.0
BID	232,692	12.7%	2,090	22.0	2.7
GAS	222,975	17.1%	4,531	25.7	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	61,110	21.8%	2,805	62.2	9.7
KSF	32,400	9.1%	1,387	77.9	5.4
IDC	21,330	9.6%	1,508	47.1	4.5
NVB	17,651	0.0%	3	9,550.8	2.9
VCS	17,120	40.6%	11,096	9.6	3.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KHP	3.66	7.2%	836	19.8	1.4
DRH	3.18	1.6%	232	103.4	1.7
FTS	3.03	7.9%	1,162	48.5	3.0
TVS	3.03	20.3%	2,312	20.5	2.9
CTS	2.98	8.7%	1,079	34.9	2.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.41	7.0%	343	39.7	2.7
CEO	2.85	2.7%	362	183.2	4.8
ART	2.74	0.1%	16	673.3	0.9
L18	2.67	6.7%	877	70.4	4.4
VC7	2.60	2.6%	354	65.5	2.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
